

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671009 - Toán cao cấp
Lớp :

STC : 5(75,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Thị Bích	Ngọc	3572041835	17/05/1993	,00	,00	,00	Nợ HP,
2	Nguyễn Văn	Trường	3671010776	15/09/1993	,00	,00	,00	CT
3	Vũ Minh	Nhật	3671010806	20/11/1994	,00	,00	,00	Nợ HP,
4	Trần Văn	Thắng	3671011483	01/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HP,
5	Từ Hữu	Thịnh	3671011604	22/01/1994	,00	,00	,00	Nợ HP,
6	Trần Thị Linh	Chi	3671011977	12/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HP,
7	Hoàng Văn	Son	3671012015	13/04/1994	,00	,00	,00	CT
8	Nguyễn Ngọc	Nhất	3671012020	16/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HP,
9	Đặng Thị	Lê	3771010575	08/11/1995	,00	,00	,00	CT
10	Nguyễn	Trí	3771010596	04/05/1995	2,00	2,00	2,00	
11	Võ Thị Trúc	Huyền	3771010613	09/09/1995	3,50	3,50	3,50	
12	Hoàng Ngọc	Son	3771010678	11/01/1995	,00	,00	,00	CT
13	Huỳnh Tấn	Dũng	3771010702	17/07/1995	5,00	3,50	4,00	
14	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	3771010720	16/12/1994	6,00	6,50	6,40	
15	Phan Nguyễn Minh	Huy	3771010721	28/08/1995	7,50	6,50	6,80	
16	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	3771010733	06/10/1995	7,00	3,00	4,20	
17	Trần Minh	Dương	3771010758	25/05/1994	9,50	6,50	7,40	
18	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	3771010787	18/10/1995	4,30	5,00	4,80	
19	Trần Thị Cẩm	Tiên	3771010835	22/10/1995	,00	,00	,00	CT
20	Bùi Thị Việt	Trình	3771010838	20/10/1995	6,00	6,50	6,40	
21	Tạ Quỳnh	Diễm	3771010853	02/09/1995	7,00	5,00	5,60	
22	Nguyễn Kiến	Phương	3771010855	21/08/1995	4,50	1,00	2,10	
23	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	3771010870	03/10/1995	8,00	6,50	7,00	
24	Lê Thị Thanh	Thúy	3771010875	11/08/1995	7,50	6,50	6,80	
25	Trương Thị Quỳnh	Trang	3771010877	05/11/1995	5,00	3,00	3,60	
26	Lê Thị Hồng	Phúc	3771010886	16/05/1995	6,50	6,50	6,50	
27	Dương Văn	Hưng	3771010893	16/12/1995	3,50	3,50	3,50	
28	Phạm Hồng	Diễm	3771010900	20/12/1995	3,00	4,00	3,70	
29	Đặng Quốc	Khánh	3771010912	02/09/1991	8,50	5,00	6,10	
30	Niềm Năm	Kiểu	3771010927	15/11/1995	4,50	2,80	3,30	
31	Lê Ngọc	Thắng	3771010937	02/04/1995	,00	,00	,00	CT
32	Võ Văn	Toàn	3771010939	19/06/1994	7,00	6,50	6,70	
33	Võ Minh	Tú	3771010940	14/10/1995	4,00	2,00	2,60	
34	Nguyễn Thị Tuyết	Hường	3771010942	24/03/1995	3,00	1,50	2,00	
35	Nguyễn Thị Xuân	Thủy	3771010968	27/02/1995	8,00	3,00	4,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Thị Thanh	Đạm	3771010979	06/11/1994	5,50	4,30	4,70	
37	Văn Thị Thu	Oanh	3771010990	17/10/1995	2,00	3,00	2,70	
38	Lê Hoàng Phương	Nghi	3771011016	29/10/1994	4,50	4,00	4,20	
39	Man Thị Hoàng	Thi	3771011022	23/03/1995	4,00	6,50	5,80	
40	Nguyễn Khải	Nguyên	3771011031	18/12/1995	5,50	4,00	4,50	
41	Nguyễn Văn	Trường	3771011055	03/03/1993	7,00	6,00	6,30	
42	Phạm Thanh	Sang	3771011080	09/11/1995	5,50	2,00	3,10	
43	Nguyễn Quốc	Cường	3771011099	10/04/1995	5,00	2,50	3,30	
44	Phạm Ngọc	Phúc	3771011102	16/09/1994	5,00	6,00	5,70	
45	Võ Hữu	Thanh	3771011113	24/02/1995	5,50	6,50	6,20	
46	Lê Văn	Nhanh	3771011116	20/08/1995	8,50	6,50	7,10	
47	Nguyễn Đặng	Thiện	3771011184	10/11/1995	8,50	9,00	8,90	
48	Hồ Thị Ngọc	Nhung	3771011263	20/06/1995	5,50	3,00	3,80	
49	Võ Thị Châu	My	3771011273	02/02/1995	5,00	6,50	6,10	
50	Mã Mỹ	Hằng	3771011288	23/09/1995	8,00	8,00	8,00	
51	Nguyễn Văn	Diễn	3771011290	17/05/1995	3,00	2,00	2,30	
52	Nguyễn Chí	Lê	3771011363	14/06/1995	5,00	4,50	4,70	
53	Trương Thị Thanh	Hằng	3771011364	03/10/1994	7,30	7,00	7,10	
54	Nguyễn Thị Kim	Phụng	3771011392	05/03/1995	4,00	2,50	3,00	
55	Đặng Ngọc	Nam	3771011396	19/08/1995	5,50	4,50	4,80	
56	Vũ Đức	Mạnh	3771011410	09/03/1995	1,50	4,30	3,50	
57	Nguyễn Thị Anh	Phước	3771011417	13/01/1995	7,00	6,50	6,70	
58	Trương Trọng	Nghĩa	3771011427	22/07/1994	5,50	6,50	6,20	
59	Kiều Thị Hoàng	Dung	3771011440	25/11/1994	4,50	3,30	3,70	
60	Não Nữ Hồng	Liên	3771011442	10/09/1995	4,50	3,00	3,50	